



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	01	108	5,8	1	An	le'
2	000002	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	01	109	3,3	1	Quốc An	chấn
3	000003	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	01	110	5,8	1	Anh	le'
4	000004	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	01	111	4,8	1	Phạm Anh	chấn
5	000005	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	01	112	6,3	1	Ngọc Ánh	le'
6	000006	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01	113	3,8	1	Cường	chấn
7	000007	1101011391	Trần Hải	Đăng	13/03/2005	TC11A	01	114	4,8	1	Đăng	le'
8	000008	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	01	115	4,8	1	Đạt	chấn
9	000009	1101011265	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	08/05/2005	TC11A	01	116	7,0	1	Diệu	le'
10	000010	1101011733	Khương Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	01	117	5,3	1	Đức	chấn
11	000011	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	01					HP vắng
12	000012	1101010520	Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	01	118	5,0	1	Minh Dũng	chấn
13	000013	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	01	119	7,8	1	Thảo	le'
14	000014	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	01	120	3,3	1	Phạm Bình	chấn
15	000015	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	01	121	5,5	1	Minh Dương	le'
16	000016	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	01	122	6,0	1	Thùy Dương	chấn
17	000017	1101010802	Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	01	123	8,3	1	Khánh Duy	le'
18	000018	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	01	124	6,3	1	Phương Duy	chấn
19	000019	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	01	125	5,3	1	Ngân Hà	le'
20	000020	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	01	126	6,8	1	Hằng	chấn
21	000021	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	01	127	4,0	1	Thu Hằng	le'
22	000022	1101010816	Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	01	128	5,3	1	Phạm Thị Hiền	chấn
23	000023	1101010817	Dư Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	01	129	2,8	1	Quang Hiệp	le'
24	000024	1101011276	Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	01	130	6,5	1	Thanh Hoa	chấn
25	000025	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	01	131	3,3	1	Việt Hoàng	le'
26	000026	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	01	132	5,0	1	Huy Hoàng	chấn
27	000027	1101010827	Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	01	133	4,5	1	Thị Hoàng Hương	le'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000028	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	01	134	8,5	2	Hương	Chấn
29	000029	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	01	135	7,0	1	Huy	Lê
30	000030	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	01	136	3,0	1	Huyền	Chấn
31	000031	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	01	137	7,5	1	Huyền	Lê
32	000032	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	01	138	6,5	2	Huyền	Chấn
33	000033	1101010837	Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	01	139	6,0	1	Khải	Lê
34	000034	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	01	140	8,0	1	Lan	Chấn
35	000035	1101010846	Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	01	141	6,0	1	Linh	Lê
36	000036	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	01	142	4,5	1	Linh	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: ...35...

Tổng số tờ giấy thi: ...37...

Tổng số biên bản: ...0...

Ngày 26... tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Minh Huệ

Nguyễn Thị Thu Linh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000037	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	01	394	4,0	01	Linh	01 (lẻ)
2	000038	1101010853	Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	01	395	2,8	01	Long	02 (chẵn)
3	000039	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	01	396	6,5	01	Ly	lẻ
4	000040	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	01	397	5,8	01	Ly	chẵn
5	000041	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	01	398	8,5	02	Mai	lẻ
6	000042	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	01	399	1,8	01	Nam	chẵn
7	000043	1101010864	Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	01	400	8,0	01	Nga	lẻ
8	000044	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	01	401	5,5	01	Ngân	chẵn
9	000045	1101010876	Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	TC11A	01	402	8,3	01	Nhi	lẻ
10	000046	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	01	403	7,3	01	Nhung	chẵn
11	000047	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	01	404	4,5	01	Phương	lẻ
12	000048	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	01	405	7,0	01	Quang	chẵn
13	000049	1101011304	Đặng Thị Phương	Thảo	17/08/2005	TC11A	01	406	4,0	01	Thảo	lẻ
14	000050	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	01	407	4,8	01	Thơ	chẵn
15	000051	1101010900	Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	01	408	5,8	01	Thu	lẻ
16	000052	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	01	409	5,3	01	Thu	chẵn
17	000053	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	01	410	6,8	01	Thương	lẻ
18	000054	1101011310	Đinh Quốc	Toàn	25/06/1997	TC11A	01					HP, ĐK
19	000055	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	01	411	3,5	01	Trang	lẻ
20	000056	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		20/01/2005	TC11A	01	412	7,0	02	Trang	chẵn
21	000057	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	01	413	6,5	01	Trang	lẻ
22	000058	1101011315	Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	01	414	8,8	02	Trang	chẵn
23	000059	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	01	415	6,8	01	Trang	lẻ
24	000060	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	01	416	4,0	01	Tuấn	chẵn
25	000061	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	01	417	4,0	01	Tùng	lẻ
26	000062	1101010911	Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	01	418	4,0	01	Vy	chẵn
27	000063	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	01	419	4,8	01	Xuân	HP, ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000064	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	01	420	3,0	01	Xuân	chấn
29	000065	1101011370	Đinh Thị Hải	Yến	09/03/2004	TC11A	01	421	7,5	01	Oyên	lẻ
30	000066	1101011259	Đinh Thị Ngọc	Anh	30/06/2005	NH11A	02	422	6,8	01	Anh	chấn
31	000067	1101010766	Lưu Quỳnh	Anh	19/05/2005	NH11A	02	423	1,8	01	Anh	lẻ
32	000068	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	02	424	3,0	01	Anh	chấn
33	000069	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	02	425	5,3	01	Anh	lẻ
34	000070	1101011261	Nguyễn Việt	Anh	09/11/2005	NH11A	02	426	4,0	01	Anh	chấn
35	000071	1101011386	Bùi Gia	Bảo	14/06/2005	NH11A	02	427	4,3	01	Bùi	lẻ
36	000072	1101010785	Bùi Thị Kiều	Chinh	27/07/2005	NH11A	02	428	6,8	01	Chinh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 35

Tổng số tờ giấy thi: 38

Tổng số biên bản: 9

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Văn Thanh Bùi T. M. Nhâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã đề ~

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000073	1101010786	Cao Mạnh	Cường	07/09/2005	NH11A	02	360	4,0	01	Cường	lẻ
2	000074	1101011372	Đinh Trọng	Đạo	03/05/2005	NH11A	02	361	7,0	01	Đạo	chẵn
3	000075	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	02	362	Một	01	Đạt	lẻ
4	000076	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH11A	02					HP,ĐK
5	000077	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH11A	02	363	2,5	01	Ruany	Lẻ
6	000078	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	02	364	4,3	01	Dương	chẵn
7	000079	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	02	365	1,5	01	Đương	lẻ
8	000080	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	02	367	3,8	01	Đường	chẵn
9	000081	1101011269	Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	02	368	1,5	01	Giang	lẻ
10	000082	1101010807	Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	02	369	4,0	01	giang	chẵn
11	000083	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	02	370	Một	01	lẻ	lẻ
12	000084	1101010819	Nguyễn Thu	Hòa	29/04/2005	NH11A	02	366	6,8	01	Hòa	chẵn
13	000085	1101010823	Đỗ Văn	Hồng	25/01/2005	NH11A	02	371	4,3	01	Hồng	lẻ
14	000086	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	02	372	2,3	01	Hồng	chẵn
15	000087	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	02	373	2,5	01	Hùng	lẻ
16	000088	1101010110	Nguyễn Việt	Hùng	26/08/2005	NH11A	02	374	6,3	01	Hùng	chẵn
17	000089	1101011279	Nguyễn Khải	Hung	07/10/2005	NH11A	02	375	2,3	01	Hung	lẻ
18	000090	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	02	376	2,0	01	Huyền	chẵn
19	000091	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	02	377	4,8	01	Khang	lẻ
20	000092	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	02	378	5,5	01	khánh	chẵn
21	000093	1101011404	Nguyễn Nam	Khánh	08/12/2005	NH11A	02	379	2,5	01	khánh	lẻ
22	000094	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	02	380	3,5	01	Kiên	chẵn
23	000095	1101011284	Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	NH11A	02	381	9,0	01	Lam	lẻ
24	000096	1101010844	Bùi Khánh	Linh	06/10/2005	NH11A	02	382	4,0	01	Linh	chẵn
25	000097	1101010845	Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	02	383	3,5	01	linh	lẻ
26	000098	1101011285	Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	NH11A	02	384	7,5	01	linh	chẵn
27	000099	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	02	385	3,0	01	linh	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000100	1101010849	Lê Hoài	Linh	15/09/2005	NH11A	02	386	5,0	1	Linh	chấn
29	000101	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	02	387	4,0	1	Linh	lẻ
30	000102	1001020180	Trịnh Thị	Linh	08/08/2004	NH11A	02					HP,ĐK
31	000103	1101010852	Vũ Thị Ngọc	Linh	25/06/2005	NH11A	02	388	6,8	1	Linh	lẻ
32	000104	1101010859	Nguyễn Công	Minh	25/10/2005	NH11A	02	389	4,5	1	Minh	chấn
33	000105	1101010860	Phạm Quang	Minh	26/08/2005	NH11A	02	390	6,0	2	Ph	lẻ
34	000106	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	02	391	2,8	1	Minh	chấn
35	000107	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	02	392	6,0	1	Trà	lẻ
36	000108	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	02	393	3,0	1	Ngọc	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:...34...

Tổng số tờ giấy thi:....35..

Tổng số biên bản:.....0....

Ngày 26 tháng 12 Năm2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Vân

Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000109	1101010874	Nguyễn Trần	Thống Nhất	19/01/2005	NH11A	02	179	8,0	1	<i>Nguyễn</i>	<i>lẻ</i>
2	000110	1101010875	Hoàng Thị	Yến Nhi	04/11/2005	NH11A	02	180	3,5	1	<i>Nhi</i>	<i>chẵn</i>
3	000111	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	02	181	4,5	1	<i>Như</i>	<i>Lẻ</i>
4	000112	1101010880	Vương Thị	Hồng Nhung	01/06/2005	NH11A	02	182	6,0	1	<i>Chung</i>	<i>chẵn</i>
5	000113	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH11A	02	183	5,8	1	<i>P</i>	<i>lẻ</i>
6	000114	1101011399	Phạm Thùy	Phương	27/08/2005	NH11A	02	184	6,8	1	<i>Phương</i>	<i>Chẵn</i>
7	000115	1101010885	Nguyễn Minh	Quân	23/03/2005	NH11A	02	185	6,0	1	<i>Quân</i>	<i>Lẻ</i>
8	000116	1101011432	Nguyễn Tiến	Quang	11/10/2005	NH11A	02	186	7,5	2	<i>Quang</i>	<i>Chẵn</i>
9	000117	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	02	187	4,3	1	<i>Quang</i>	<i>HP Lẻ</i>
10	000118	1101011301	Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	NH11A	02	188	8,5	2	<i>Quỳnh</i>	<i>Chẵn</i>
11	000119	1101010890	Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	02	189	5,0	1	<i>Quỳnh</i>	<i>lẻ</i>
12	000120	1101010896	Nguyễn Hiền	Thảo	02/01/2005	NH11A	02	190	5,8	01	<i>Thảo</i>	<i>Chẵn</i>
13	000121	1101010897	Nguyễn Đức	Thiện	25/02/2005	NH11A	02	191	3,8	01	<i>Thiện</i>	<i>lẻ</i>
14	000122	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	02	192	3,5	01	<i>Toàn</i>	<i>lẻ</i>
15	000123	1101010905	Trần Thị	Thùy Trang	25/06/2000	NH11A	02	193	9,0	02	<i>Trang</i>	<i>lẻ</i>
16	000124	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH11A	02	194	5,5	1	<i>Trí</i>	<i>chẵn</i>
17	000125	1101011422	Nguyễn Thị	Thúy Vân	30/04/2005	NH11A	02	195	7,5	1	<i>Vân</i>	<i>lẻ</i>
18	000126	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH11A	02					<i>HP,ĐK</i>
19	000127	1101010910	Lương Ngọc	Vượng	08/09/2005	NH11A	02	196	5,8	1	<i>Vượng</i>	<i>lẻ</i>
20	000128	1101011326	Trần Thị	Hải Yến	29/11/2003	NH11A	02					<i>HP,ĐK</i>
21	000129	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	03	197	3,0	1	<i>Cường</i>	<i>lẻ</i>
22	000130	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	03	198	3,8	1	<i>An</i>	<i>Chẵn</i>
23	000131	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	03	199	5,3	1	<i>Hải Anh</i>	<i>lẻ</i>
24	000132	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	03	200	4,8	1	<i>Anh</i>	<i>Chẵn</i>
25	000133	1101030483	Phạm Thị	Nguyệt Anh	13/02/2005	QT11A	03	201	2,8	1	<i>Anh</i>	<i>lẻ</i>
26	000134	1101030495	Ngô Thị	Nguyệt Ánh	05/11/2005	QT11A	03	202	6,0	2	<i>Anh</i>	<i>chẵn</i>
27	000135	1101030500	Nguyễn Đức	Tùng Bách	02/12/2005	QT11A	03	203	4,5	1	<i>Bách</i>	<i>lẻ</i>

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000136	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	03	204	5,5	1	Bình	Chấn
29	000137	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	03	205	6,0	1	Đồng	le'.
30	000138	1101030517	Trần Huy	Đức	10/09/2005	QT11A	03					HP,ĐK
31	000139	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	03	206	2,8	1	Dũng	le'
32	000140	1101031400	Lê Thế	Đương	18/12/2005	QT11A	03					HP,ĐK
33	000141	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	03					HP,ĐK
34	000142	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	03	207	5,8	1	Duyên	Chấn
35	000143	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	03	208	4,3	1	Giang	le'
36	000144	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	03	209	3,8	1	Hải	Chấn
37	000145	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	03	210	4,3	1	Hằng	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 32....

Tổng số tờ giấy thi: 36....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 26. tháng 12. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hải Hương Đào Thị Hồng Xương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Chẩn/le

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000146	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	03	525	2,5	01	Hào	Chẩn
2	000147	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	03	528	7,5	01	Hiệp	le
3	000148	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	03	527	4,5	01	Huệ	chẩn
4	000149	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	03	528	6,5	01	Huệ	le
5	000150	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	03	529	5,5	01	Hùng	chẩn
6	000151	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	03	530	7,5	01	Hương	le
7	000152	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	03	531	3,3	01	Hương	chẩn
8	000153	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	03	532	6,8	01	Lương	le
9	000154	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	03	533	3,8	01	Huyền	chẩn
10	000155	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	03	534	7,5	01	Nguyễn	le
11	000156	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	03	535	2,8	01	Khánh	chẩn
12	000157	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	03	536	5,5	01	Kiên	le
13	000158	1101030588	Phan Thị	Liều	31/12/2004	QT11A	03	537	4,8	02	Liều	chẩn
14	000159	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	03	538	7,0	01	Linh	le
15	000160	1101031371	Phạm Thị Hồng	Linh	11/12/2005	QT11A	03	539	5,0	01	Linh	chẩn
16	000161	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	03	540	4,8	01	Lộc	le
17	000162	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	03	541	3,8	01	Thủy	chẩn
18	000163	1101031215	Đinh Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	03	542	7,3	01	Đinh	le
19	000164	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	03	543	6,0	01	Minh	chẩn
20	000165	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	03	544	4,0	01	Trịnh	le
21	000166	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	03	545	4,3	01	Thủy	chẩn
22	000167	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	03	546	8,5	01	Bích	le
23	000168	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	03	547	6,8	02	Ngoan	chẩn
24	000169	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	03	548	4,0	01	Nhung	le
25	000170	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	03	549	3,0	01	Phi	chẩn
26	000171	1101031222	Bùi Thu	Phương	23/09/2005	QT11A	03	550	4,5	01	Phước	le
27	000172	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	03	551	3,8	01	Quang	chẩn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000173	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	03					HP,ĐK
29	000174	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	03	552	4,5	01	nhân	chấn
30	000175	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	03	553	7,5	01	Thảo	lẻ
31	000176	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	03	554	4,0	01	Thu	chấn
32	000177	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	03	555	5,5	01	Trung	lẻ
33	000178	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	03	556	5,0	01	Uyên	chấn
34	000179	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	03	557	7,0	01	Vân	lẻ
35	000180	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	03	558	4,5	01	Vy	HPchấn
36	000181	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	03	559	4,5	1	Huy	HP
37	000182	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	04	560	4,0	01	N.Anh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:....36....

Tổng số tờ giấy thi:.....37.....

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 26... tháng 11. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2






DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000183	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	04	38	7,0	1	Anh	Lẻ
2	000184	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	04	39	4,0	1	Anh	Chẵn
3	000185	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	04	40	6,0	1	Anh	Lẻ
4	000186	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	04	41	7,0	1	Anh	Chẵn
5	000187	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	04	42	7,5	1	Biên	Lẻ
6	000188	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	04	43	3,8	1	Cường	Chẵn
7	000189	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	04	44	5,5	1	Đạt	Lẻ
8	000190	1101031373	Dương Thị Huyền	Diệu	05/07/2005	QT11B	04					HP, ĐK
9	000191	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	04	45	7,0	1	Duy	Lẻ
10	000192	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	04	46	3,0	1	Duy	Chẵn
11	000193	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	04	47	7,3	1	Giang	Lẻ
12	000194	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	04	48	4,8	1	Hà	Chẵn
13	000195	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	04	49	4,3	1	Hải	Lẻ
14	000196	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	04	50	3,8	1	Hằng	Chẵn
15	000197	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	04	51	4,3	1	Hiền	Lẻ
16	000198	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	04	52	4,0	1	Hiếu	Chẵn
17	000199	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	04	53	6,8	1	Phạm	Lẻ
18	000200	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	04	54	3,0 không	1	Hùng	Chẵn
19	000201	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	04	55	2,3	1	Hùng	Lẻ
20	000202	1101030563	Hoàng Tuấn	Hưng	28/08/2005	QT11B	04	56	3,5	1	Hoàng	HP ĐK (Chẵn)
21	000203	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	04	57	9,0	2	Lê	Lẻ
22	000204	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	04	58	4,8	1	Phạm	Chẵn
23	000205	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	04	59	5,5	1	Huyền	Lẻ
24	000206	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	04	60	6,0	1	Khuyên	Chẵn
25	000207	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	04	61	8,5	1	Lan	Lẻ
26	000208	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	04	62	4,0	1	Nguyễn	Chẵn
27	000209	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	04	63	7,0	1	Linh	Lẻ

S.TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000210	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	04	64	4,5	01	Linh	chẵn
29	000211	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	04	65	3,5	01	Linh	lẻ
30	000212	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	04	66	7,5	02	Linh	chẵn
31	000213	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	04	67	3,0	01	Lợi	lẻ
32	000214	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	04	68	5,0	01	Ly	chẵn
33	000215	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	04	69	4,3	01	Ly	lẻ
34	000216	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	04	70	4,8	01	Mai	chẵn
35	000217	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	04	71	3,8	01	Minh	lẻ
36	000218	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	04	72	3,5	01	Thạch	chẵn
37	000219	1101030629	Lường Thị	Mùng	18/01/2004	QT11B	04	73	4,5	01	Mùng	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 36.....

Tổng số tờ giấy thi: 38...

Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


Nguyễn Thị Phương Hoa


Tô Xuân Hậu



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000220	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	04					HP,ĐK
2	000221	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	04	317	7,5	02	Ngân	le?
3	000222	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	04	318	5,8	01	Nguyễn	chấn
4	000223	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	04	319	5,3	02	Nguyệt	le
5	000224	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	04	320	3,5	01	Như	chấn
6	000225	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	04	321	5,8	01	Phong	le
7	000226	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	04	322	6,0	01	Quân	chấn
8	000227	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	04	323	6,5	01	Quân	le?
9	000228	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	04	324	6,0	01	Quỳnh	chấn
10	000229	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	04	325	3,5	01	Thảo	le
11	000230	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	04	326	6,5	01	Thương	chấn
12	000231	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	04	327	3,8	01	Tiên	le
13	000232	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	04	328	3,8	01	Trang	chấn
14	000233	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	04	329	8,0	01	Trang	le
15	000234	1101030728	Nguyễn Kiều	Trình	03/10/2005	QT11B	04	330	5,8	01	Trình	chấn
16	000235	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	04	331	7,3	01	Uyên	le
17	000236	1101030741	Thắm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	04	332	5,3	01	Thắm	chấn
18	000237	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	04	333	5,8	01	Vân	le
19	000238	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	04	334	4,0	01	Vũ	chấn
20	000239	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	04	335	6,0	01	Vy	le
21	000240	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	04	336	4,8	01	Yến	chấn
22	000241	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	04	337	5,8	01	Yến	le
23	000242	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	05	338	4,8	01	Phương	chấn
24	000243	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	05	339	6,0	01	Kim	HP le
25	000244	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	05	340	5,8	01	Phương	chấn
26	000245	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	05	341	6,5	01	Kim	le
27	000246	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	05	342	3,8	01	Lan	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000247	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	05	343	3,8	01	Anh	lẻ
29	000248	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	05	344	3,5	01	Ph	HP
30	000249	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	05	345	3,8	01	Anh	lẻ
31	000250	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	05	346	5,3	01	Anh	chẵn
32	000251	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	05	347	2,8	01	AD	lẻ
33	000252	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	05	348	3,5	01	Tr	chẵn
34	000253	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	05	349	2,0	01	Anh	lẻ
35	000254	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	05					HP,ĐK
36	000255	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	05	350	2,0	01	AD	lẻ
37	000256	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	05	351	2,5	01	Bình	chẵn
38	000257	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	05	352	1,5	01	Dương	lẻ
39	000258	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	05	353	5,3	01	Đạt	chẵn
40	000259	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM11A	05	354	1,8	01	Đạt	lẻ
41	000260	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	05	355	5,5	01	Duyên	chẵn
42	000261	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	05	356	4,0	01	Duyên	lẻ
43	000262	1101030533	Nguyễn Thu	Giang	31/12/2005	QM11A	05	357	4,5	01	Giang	chẵn
44	000263	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	05	358	2,5	01	Hà	lẻ
45	000264	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	05	359	6,5	01	Hải	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 43...

Tổng số tờ giấy thi: 45...

Tổng số biên bản: 2...

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025 HL

Cán bộ coi thi 1 _____ Cán bộ coi thi 2 _____

Thầy
Nguyễn T. Ngọc Trình Thị Hồng Thái



500 - 524

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000265	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	05	500	4,8	1	Hằng	Lệ
2	000266	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	05	502	5,8	1	Hiền	chấn
3	000267	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	05	501	3,3	1	Thu	Lệ
4	000268	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	05	503	6,3	1	Hiệp	chấn
5	000269	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	05	504	5,8	1	Hiếu	Lệ
6	000270	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	05	505	5,0	1	Hoa	chấn
7	000271	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	05	506	4,8	1	Hoàng	Lệ
8	000272	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	05	507	4,5	1	Hồng	chấn
9	000273	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	05	508	6,3	1	Khánh	Lệ
10	000274	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	05	509	5,8	1	Mai	chấn
11	000275	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	05	510	4,5	1	Linh	Lệ
12	000276	1101030596	Lê Thuỳ	Linh	04/09/2005	QM11A	05	511	5,0	1	Thuỳ	chấn
13	000277	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	05	512	3,8	1	Linh	Lệ
14	000278	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	05	513	4,5	1	Long	chấn
15	000279	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	05	514	2,3	1	Ly	Lệ
16	000280	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	05	514	4,5	1	Mai	chấn
17	000281	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	05	515	3,8	1	Mạnh	HP Lệ
18	000282	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	05	516	6,3	1	Nga	chấn
19	000283	1101030650	Bùi Thảo	Nguyên	09/10/2005	QM11A	05	517	4,8	1	Nguyên	Lệ
20	000284	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	05	518	5,3	1	Nhung	chấn
21	000285	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	05	519	3,8	1	Oanh	Lệ
22	000286	1101030670	Lê Minh	Phương	04/08/2005	QM11A	05	520	4,0	1	Phương	chấn
23	000287	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	05	521	4,5	1	Anh	Lệ
24	000288	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	05	522	5,3	1	Khánh	chấn
25	000289	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	05	523	3,3	1	Chiến	Lệ

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 25

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Vũ T.T. Dung

Phan Thuý Nga



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000290	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	05	561	5,8	01	Thảo	Chấn
2	000291	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	05	562	2,3	01	Thịnh	le'
3	000292	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	05	563	6,0	01	Thư	chấn
4	000293	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	05	564	3,8	01	Thúy	le'
5	000294	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	05	565	7,3	12	Trà	Phấn
6	000295	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	05	566	1,8	01	Trang	le'
7	000296	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	05	567	4,0	01	Trúc	HP Chấn
8	000297	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	05	568	1,3	01	Tùng	le'
9	000298	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	05	569	6,3	01	Tùng	chấn
10	000299	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	05	570	6,8	01	Yến	le'
11	000300	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	05	571	6,0	01	Yến	chấn
12	000301	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	06	572	1,3	01	Hùng	le'
13	000302	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	06	573	Không	01	Anh	chấn BB-100%
14	000303	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	06	574	8,0	01	Anh	le'
15	000304	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	06	575	4,0	01	Anh	chấn
16	000305	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	06	576	3,8	01	Anh	le'
17	000306	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	06	577	5,5	01	Lan	chấn
18	000307	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	06	578	2,0	01	Bình	HP le'
19	000308	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	06	579	6,0	01	Chiến	chấn
20	000309	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	06	580	5,8	01	Chinh	le'
21	000310	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	06	581	3,5	01	Đức	chấn
22	000311	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	06	582	7,0	01	Dương	le'
23	000312	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	06	583	4,3	01	Duyên	chấn
24	000313	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	06	584	5,0	01	Thu	le'
25	000314	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	06	585	4,0	01	Hà	chấn
26	000315	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	06	586	2,3	01	Hà	le'
27	000316	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	06	587	4,0	01	Thanh	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000317	1101020095	Phan Thị	Hiên	05/10/2005	KD11A	06	588	2,5	01	Hiên	lẻ
29	000318	1101020097	Nguyễn Thị	Hiên	08/11/2005	KD11A	06	589	3,8	01	Hiên	chẵn
30	000319	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	06	590	3,5	01	Hoa	lẻ
31	000320	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	06	591	6,0	1	Hùng	Chẵn
32	000321	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	06	592	2,5	01	Hương	lẻ
33	000322	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	06					ĐK
34	000323	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	06	593	6,0	01	Hường	lẻ
35	000324	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	06	594	6,0	01	Huyền	chẵn
36	000325	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	06	595	3,8	01	Khải	lẻ
37	000326	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh Liên		12/09/2005	KD11A	06	596	5,5	01	Liên	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 36

Tổng số tờ giấy thi: 37 (37)

Tổng số biên bản: 1

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trương Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Văn Ch�ng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000327	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	06	429	1,8	01	Phu	le'
2	000328	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	06	430	4,0	01	Yu	chấn
3	000329	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	06	431	3,8	01	Shih	le'
4	000330	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	06	432	5,8	01	Shi	chấn
5	000331	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	06	433	7,0	01	loan	le'
6	000332	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	06	434	5,0	01	Mai	chấn
7	000333	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	06	435	3,5	01	My	le'
8	000334	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	06	436	4,5	01	Ngân	chấn
9	000335	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	06	437	7,0	01	Ngọc	le'
10	000336	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	06	438	2,3	01	Ngọc	chấn
11	000337	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	06	439	4,8	01	Oai	le'
12	000338	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	06	440	4,5	01	Quân	HP chấn (thi nộp)
13	000339	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	06	441	4,3	01	Quỳnh	le'
14	000340	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	06	442	4,3	01	tâm	chấn
15	000341	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	06	443	3,8	01	Thảo	le'
16	000342	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	06	444	3,5	01	Thư	chấn
17	000343	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	06	445	4,0	01	Thư	le'
18	000344	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	06	446	7,5	01	Thúy	le'
19	000345	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	06	447	6,0	01	Trang	le'
20	000346	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	06	448	2,8	01	Trang	chấn
21	000347	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	06	449	7,0	01	Thang	le'
22	000348	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	06	450	3,3	01	Trang	chấn
23	000349	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	06	451	3,3	01	Trang	le'
24	000350	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	06	452	4,0	01	Tuân	chấn
25	000351	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	06	453	4,3	01	Tuyền	le'
26	000352	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	06	454	5,8	01	Th	chấn
27	000353	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	06	455	4,0	01	Yến	le'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000354	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	06	456	3,3	1	Giang	Chấn
29	000355	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	07	457	1,8	1	Anh	le
30	000356	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	07	458	4,5	01	Anh	Chấn
31	000357	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	07	459	4,8	01	Anh	le
32	000358	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	07	460	7,5	01	Anh	Chấn
33	000359	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	07	461	7,8	01	Anh	Lê
34	000360	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	07	462	4,5	01	Anh	Chấn
35	000361	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	07	463	4,0	01	Ánh	le
36	000362	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	07	464	4,0	01	Bích	Chấn
37	000363	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	07	465	6,0	01	Diễm	le

Tổng số sinh viên dự thi: 37

Tổng số tờ giấy thi: 37

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngô T-An

Phạm Thị Ngọc Phương



211-244

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000364	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	07	211	4,0	1	Đức	chấn
2	000365	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	07	212	4,0	1	Dương	lẻ
3	000366	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	07	213	5,5	1	Phạm	chấn
4	000367	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	07	214	4,8	1	Giang	lẻ
5	000368	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	07	215	0,8	1	Giang	chấn
6	000369	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	07	216	5,5	1	Giang	lẻ
7	000370	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	07	217	5,5	1	Hà	chấn
8	000371	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	07	218	5,5	1	Hoa	lẻ
9	000372	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	07	219	2,0	1	Hùng	chấn
10	000373	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	07	220	2,8	1	Hương	lẻ
11	000374	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	07	221	3,3	1	Thanh	chấn
12	000375	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	07	222	7,5	1	Huyền	lẻ
13	000376	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	07	223	4,3	1	Lan	HP chấn
14	000377	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	07	224	6,0	1	Liên	lẻ
15	000378	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	07	225	5,0	1	Linh	chấn
16	000379	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	07	226	6,3	1	Khánh	lẻ
17	000380	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	07					ĐK
18	000381	1101020171	Nguyễn Thị Phương Loan		03/07/2005	KD11B	07	227	7,0	1	Loan	lẻ
19	000382	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	07	228	6,3	1	Ly	chấn
20	000383	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	07	229	7,3	1	Mai	lẻ
21	000384	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	07	230	5,3	1	Mai	chấn
22	000385	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	07	231	7,0	01	Mai	lẻ
23	000386	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	07	232	4,3	1	Nam	HP Chấn
24	000387	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	07	233	5,8	1	Ngát	lẻ
25	000388	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	07	234	6,8	1	Ngọc	chấn
26	000389	1001021556	Chu Yên	Nhi	04/08/2004	KD11B	07	235	6,0	1	Nhi	lẻ
27	000390	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	07	236	6,5	1	Nhung	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000391	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	07	237	6,0	1	Nhung	Lê
29	000392	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	07	238	4,0	1	Phúc	Chân
30	000393	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	07	239	4,5	1	Phúc	Lê
31	000394	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	07	240	5,5	1	Phúc	Chân
32	000395	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	07	241	2,5	1	Quỳnh	Lê
33	000396	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	07					HP.ĐK
34	000397	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	07	242	5,0	1	Thảo	
35	000398	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	07	243	4,5	1	Thảo	
36	000399	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	07	244	3,5	1	Thu	
37	000400	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	07					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:....34..

Tổng số tờ giấy thi:.....34

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Tuấn Phúc
Trần Thu Trang Đoàn Thị Hồng Phúc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000401	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	07	143	4,5	1	Thùy	lẻ
2	000402	1101020290	Lê Thị Thuý	Tinh	23/10/2005	KD11B	07	144	4,8	1	Tinh	chẵn
3	000403	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	07	145	4,0	1	Trang	lẻ
4	000404	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	07	146	3,0	1	Trang	chẵn
5	000405	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	07	147	6,5	1	Trang	lẻ
6	000406	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	07	148	2,5	1	Tuấn	chẵn
7	000407	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	07	149	7,8	1	Vi	lẻ
8	000408	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	07	150	3,5	1	Vinh	chẵn
9	000409	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	07	151	4,3	1	Yến	lẻ
10	000410	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	07	152	2,8	1	Huy	chẵn
11	000411	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	08	153	4,0	1	Anh	lẻ
12	000412	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	08	154	4,8	1	Anh	chẵn
13	000413	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	08	155	5,8	1	Anh	lẻ
14	000414	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	08	156	3,0	1	Anh	chẵn
15	000415	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	08	157	5,5	1	Anh	lẻ
16	000416	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	08	158	2,0	1	Anh	chẵn
17	000417	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	08	159	5,5	1	Bách	lẻ
18	000418	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	08	160	4,3	1	Đạt	chẵn
19	000419	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	08	161	7,0	1	Dương	lẻ
20	000420	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	08					HP.ĐK
21	000421	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	08	162	7,5	2	Giang	lẻ
22	000422	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	08	163	8,5	2	Hà	chẵn
23	000423	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	08	164	8,3	1	Hà	lẻ
24	000424	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	08	165	2,8	1	Hải	chẵn
25	000425	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	08	166	3,3	1	Hằng	lẻ
26	000426	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	08	167	2,3	1	Hanh	chẵn
27	000427	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	08	168	6,3	1	Hiền	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000428	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	08	169	8,3	02	Hiếu	chấn
29	000429	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	08	170	7,0	01	Hiếu	lẻ
30	000430	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	08	171	3,8	01	Hoa	chấn
31	000431	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	08	172	6,5	02	Hồng	lẻ
32	000432	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	08	173	7,0	01	Hương	chấn
33	000433	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	08	174	4,5	01	Huyền	lẻ
34	000434	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	08	175	7,0	01	Huyền	chấn
35	000435	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	08	176	7,3	01	Huyền	lẻ
36	000436	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	08	177	4,5	01	Lan	chấn
37	000437	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	08	178	4,3	01	Linh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 36

Tổng số tờ giấy thi: 39,40

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Cẩm Nhung Phạm Thị Mai Huyền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000438	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	08	597	6,5	1	linh	chấn
2	000439	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	08	598	4,3	1	Đào	lê
3	000440	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	08	599	3,3	1	Linh	chấn
4	000441	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	08	600	6,8	1	Ly	lê
5	000442	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	08	601	5,3	1	Hai	chấn
6	000443	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	08	602	4,3	1	minh	lê
7	000444	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	08	603	5,5	1	Minh	chấn
8	000445	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	08	604	6,0	1	Ngũ	lê
9	000446	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	08	605	5,8	1	Nga	chấn
10	000447	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	08	606	4,8	1	Ngọc	lê
11	000448	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	08	607	7,0	1	Nguyễn	chấn
12	000449	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	08	608	4,0	1	Nhi	lê
13	000450	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	08	609	5,0	1	Ý	chấn
14	000451	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	08	610	4,8	1	Nhung	lê
15	000452	1101020235	Lê Thị Thu	Phuong	14/03/2005	KD11D	08	611	5,5	1	Phường	chấn
16	000453	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	08	612	6,3	1	Quỳnh	lê
17	000454	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	08	613	4,0	1	Quỳnh	chấn
18	000455	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	08	614	5,3	1	Thanh	lê
19	000456	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	08	615	8,0	2	thảo	chấn
20	000457	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	08	616	5,8	1	Thảo	lê
21	000458	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	08	617	4,8	1	Thư	chấn
22	000459	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	08	618	6,5	1	Thương	lê
23	000460	1101020287	Đặng Thanh	Thùy	04/08/2005	KD11D	08	619	5,3	1	thùy	chấn
24	000461	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	08	620	8,8	1	Trang	lê
25	000462	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	08					HP,ĐK
26	000463	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	08	621	2,3	1	Triển	lê
27	000464	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	08	622	7,3	1	Uyên	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000465	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	08	623	3,5	01	Vinh	đề lẻ
29	000466	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	08	624	5,3	01	Yến	đề chẵn
30	000467	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	08	625	4,5	01	Yến	đề lẻ
31	000468	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	09	626	4,3	01	Anh	đề chẵn
32	000469	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	09	627	4,5	01	Anh	đề lẻ
33	000470	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	09	628	6,3	01	Anh	đề chẵn
34	000471	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	09	629	4,3	01	tz	đề lẻ
35	000472	1101020025	Nguyễn Vân	Anh	01/12/2005	KD11E	09	630	3,8	01	tkl	đề chẵn
36	000473	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	09	631	5,3	01	Anh	đề lẻ
37	000474	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	09	632	4,0	01	Anh	đề chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....36..

Tổng số tờ giấy thi:.....37..

Tổng số biên bản:.....0..

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hữu Quý

Đàm Thị Thanh Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000475	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	09	281	5,3	1	Ánh	lẻ
2	000476	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	09	282	4,3	1	Bình	chẵn
3	000477	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	09	283	2,8	1	Chúc	lẻ
4	000478	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	09	284	1,0	1	Đạt	HP chẵn
5	000479	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	09	285	3,3	1	Diễn	HP lẻ
6	000480	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	09	286	3,5	1	Diệp	chẵn
7	000481	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	09					ĐK
8	000482	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	09	287	3,8	1	Duy	chẵn
9	000483	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	09	288	6,0	1	Giang	lẻ
10	000484	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	09	289	5,5	1	Hà	chẵn
11	000485	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	09	290	3,3	1	Hằng	lẻ
12	000486	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	09	291	8,0	2	Hào	chẵn
13	000487	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	09	292	6,5	1	Hoàn	lẻ
14	000488	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	09	293	5,3	1	Hương	chẵn
15	000489	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	09	294	4,0	1	Hường	lẻ
16	000490	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	09	295	5,0	1	Huyền	chẵn
17	000491	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	09	296	1,5	1	Khánh	lẻ
18	000492	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	09	297	5,0	2	Khánh	chẵn
19	000493	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	09	298	6,0	1	Lan	lẻ
20	000494	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	09	299	7,3	2	Lệ	chẵn
21	000495	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	09	300	5,0	1	Linh	lẻ
22	000496	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	09	301	5,0	1	Linh	chẵn
23	000497	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	09	302	3,3	1	Linh	HP lẻ
24	000498	1101020169	Đình Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	09	303	4,3	1	Loan	chẵn
25	000499	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	09	304	4,3	1	Ly	lẻ
26	000500	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	09	305	6,0	1	Ly	chẵn
27	000501	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	09	306	7,0	1	Mai	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000502	1101020995	Không Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	09	307	4,0	1	NƯĐ	chấn
29	000503	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	09	308	5,3	1	Nga	lẻ
30	000504	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	09	309	4,3	1	Nga	chấn
31	000505	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	09	310	7,3	1	Ngọc	Lẻ
32	000506	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	09	311	2,3	1	Ngọc	HP, chấn
33	000507	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	09	312	7,0	1	Nguyễn	lẻ
34	000508	1101020218	Nguyễn Thị Yên	Nhi	26/10/2005	KD11E	09	313	2,8	1	Nhi	chấn
35	000509	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	09	314	5,0	1	Nhung	lẻ
36	000510	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	09	315	5,5	1	Quỳnh	chấn
37	000511	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	09	316	3,5	1	Quỳnh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 36.....

Tổng số tờ giấy thi: 39.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 26. tháng 12. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Lưu
Lê Thị Hằng

Trần Thị Kim Oanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000512	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	09	245	6,8	01	Thanh	Chấn
2	000513	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	09	246	6,0	01	Thảo	le
3	000514	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	09	247	4,8	01	Vi	Chấn
4	000515	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	09	248	5,5	01	Thư	le
5	000516	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	09	249	2,0	01	Hạ	chấn
6	000517	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	09	250	6,8	01	Tiên	le
7	000518	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	09	251	3,0	01	Trang	Chấn
8	000519	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	09	252	5,0	01	Trang	le
9	000520	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	09	253	6,0	01	Tú	chấn
10	000521	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	09	254	4,0	01	Tuấn	le
11	000522	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	09	255	4,0	01	Vân	Chấn
12	000523	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	09	256	4,8	01	Vương	le
13	000524	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	09	257	3,5	01	Vy	Chấn
14	000525	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	10	258	4,5	01	Anh	le
15	000526	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	10	259	8,5	02	Anh	Chấn
16	000527	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	10					HP
17	000528	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	10	260	10,1	01	Anh	chấn
18	000529	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	10	261	2,5	01	Thùy	le
19	000530	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	10	262	4,0	01	Phương	chấn
20	000531	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	10	263	5,3	01	Bình	le
21	000532	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	10	264	6,8	01	Châm	chấn
22	000533	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	10	265	2,0	01	Đạt	le
23	000534	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	10	266	5,8	01	Doan	chấn
24	000535	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	10	267	4,3	01	Quảng	le
25	000536	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	10	268	4,0	01	Dương	chấn
26	000537	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	10	269	6,3	01	Duyên	le
27	000538	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	10	270	2,0	01	Giang	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000539	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	10	271	6,3	01	Hà	lẻ
29	000540	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	10	272	6,8	01	Hà	Chẵn
30	000541	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	10	273	1,8	01	Hằng	lẻ
31	000542	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	10	274	2,0	01	Hiền	Chẵn
32	000543	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	10	275	3,5	01	Hiếu	lẻ
33	000544	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	10	276	5,3	01	Hồng	Chẵn
34	000545	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	10	277	4,5	01	Huy	lẻ
35	000546	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	10	278	2,0	01	Huyền	HP Chẵn nộp
36	000547	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	10	279	7,3	01	Khánh	lẻ
37	000548	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	10	280	5,5	01	Kiên	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 36....

Tổng số tờ giấy thi: 37..

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 26... tháng 02 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Vũ Thị Hà


Phạm Thị Lệ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000549	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	10	1	5,0	01	Lan	Lẻ
2	000550	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	10	2	3,8	01	Lệ	Chẵn
3	000551	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	10	3	4,8	01	Linh	Lẻ
4	000552	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	10	4	3,3	01	Linh	Chẵn
5	000553	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	10	5	2,3	01	Linh	Lẻ
6	000554	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	10	6	3,3	01	Loan	Chẵn
7	000555	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	10	7	3,5	01	Loan	Lẻ
8	000556	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	10	8	6,3	01	Nga	Chẵn
9	000557	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	10	9	5,0	01	Ngọc	Lẻ
10	000558	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	10	10	5,8	01	Ngọc	Chẵn
11	000559	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	10	11	6,5	01	Nguyệt	Lẻ
12	000560	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	10	12	1,8	01	Nhi	Chẵn
13	000561	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	10	13	3,8	01	Như	Lẻ
14	000562	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	10	14	3,3	01	Nhung	Chẵn
15	000563	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	10	15	4,3	01	Oanh	Lẻ
16	000564	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	10	16	2,3	01	Thu	Chẵn
17	000565	1101021025	Vương Thị	Phương	30/06/2005	KD11G	10	17	6,8	01	Phương	Lẻ
18	000566	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	10	18	1,8	01	Quỳnh	Chẵn
19	000567	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	10	19	2,8	01	Thanh	HP ĐH
20	000568	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	10	20	5,3	01	Thành	Chẵn
21	000569	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	10	21	5,0	01	Thảo	HP ĐH
22	000570	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	10	22	2,3	01	Thư	Chẵn
23	000571	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	10	23	7,0	01	Trang	Lẻ
24	000572	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	10	24	3,5	01	Trang	Chẵn
25	000573	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	10	25	4,5	01	Trang	Lẻ
26	000574	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	10	26	7,5	02	Trang	Chẵn
27	000575	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	10	27	2,8	01	Tuân	Lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000576	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	10	28	4,3	1	Đinh Tuấn	chấm
29	000577	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	10	29	3,0	01	Vân	lẻ
30	000578	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	10	30	3,0	01	Phạm Xuân	chấm
31	000579	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	10	31	3,8	01	Yên	lẻ
32	000580	1101020332	Đỗ Hải	Yên	23/08/2005	KD11G	10	32	3,3	01	Yên	chấm
33	000581	1101041424	Nguyễn Xuân	Bình	19/03/2005	CT11A	11	33	5,0	01	Bình	lẻ
34	000582	1101040373	Dương Đức	Hiếu	16/02/2005	CT11A	11	34	3,5	1	Hiếu	chấm
35	000583	1101041088	Vũ Văn	Hùng	23/08/2004	CT11A	11	35	2,8	01	Hùng	HP lẻ
36	000584	1101040374	Bùi Thị Lan	Hương	19/10/2005	CT11A	11	36	4,3	01	Hương	chấm
37	000585	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	11	37	4,3	01	Kiên	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: ...37...

Tổng số tờ giấy thi: ...37...+1 = 38

Tổng số biên bản: ...0.....

Ngày 26. tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Thị Thị Liên

Hoàng Thị Mậu



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000586	1101040376	Vũ Thị Trà	My	21/10/2005	CT11A	11	670	8,5	02	My	Chấn
2	000587	1101040377	Hoàng Văn	Tài	22/09/2005	CT11A	11	671	2,5	01	Tài	Lẻ
3	000588	1101040378	Ngô Mai	Thi	07/07/2005	CT11A	11	672	8,3	02	Phi	Chấn
4	000589	1101040380	Phạm Thị Đoan	Trang	03/02/2005	CT11A	11	673	8,0	02	Trang	Lẻ
5	000590	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	11	674	2,0	01	Việt	Chấn
6	000591	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	11	675	5,8	1	Đinh	HP 2/4/2
7	000592	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	11	676	6,0	01	Anh	Phấn
8	000593	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	11	677	4,5	01	Anh	Lẻ
9	000594	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	11	678	5,0	01	Châu	Chấn
10	000595	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	11	679	4,0	01	Chi	Lẻ
11	000596	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	11	680	5,0	01	Đại	Chấn
12	000597	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	11	681	4,0	01	Hồng	Lẻ
13	000598	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	11	682	6,0	01	Dũng	Chấn
14	000599	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	11	683	2,0	01	Duy	Lẻ
15	000600	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	11	684	6,3	01	Hiền	Chấn
16	000601	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	11	685	4,5	01	Hoàng	Lẻ
17	000602	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	11	686	5,8	01	Hương	Chấn
18	000603	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	11	687	5,3	01	Lẻ	Lẻ
19	000604	1101060351	Quyền Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	11	688	7,0	02	Chấn	Lẻ
20	000605	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	11	689	6,5	01	Cử	Mạnh
21	000606	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	11	690	4,0	01	Ngô	Chấn
22	000607	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	11	691	2,5	01	Ngô	Lẻ
23	000608	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	11	692	5,5	01	Thảo	Chấn
24	000609	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	11	693	7,3	01	Thảo	Lẻ
25	000610	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	11	694	5,0	02	Thùy	Chấn
26	000611	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	11	695	6,8	01	Thùy	Lẻ
27	000612	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	11	696	8,5	02	Trang	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000613	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	11	697	6,3	1	Trans.	lẻ.
29	000614	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	11	698	6,0	1	Từ	Chấn
30	000615	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	11	699	2,5	1	Tuấn	Lẻ
31	000616	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	11	700	3,5	1	Nguyễn	chấn
32	000617	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	11	701	1,8	1	Nhiên	lẻ.
33	000618	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	11	702	4,0	1	Trang	chấn
34	000619	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	11	703	2,8	1	Anh	lẻ
35	000620	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	11	704	2,0	1	Đo	lẻ
36	000621	1001070433	Nguyễn Đức	Đô	24/11/2004	QL10A	11	704	2,0	1	Đo	lẻ
37	000622	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	11	705	5,8	1	Cường	HP 22/12

Tổng số sinh viên dự thi: 36...

Tổng số tờ giấy thi: 42...

Tổng số biên bản: 6.....

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025 HH

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hồng Hạnh Nguyễn Đức Chuy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

lê/chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000623	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	11					HP,ĐK
2	000624	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	04/07/2003	TC9B	11					ĐK
3	000625	1101071116	Nguyễn Quỳnh Mai	Anh	12/10/2004	KL11A	12	74	3,3	1	Đang	lê
4	000626	1101070430	Nguyễn Phan Hải	Đặng	30/07/2005	KL11A	12	75	6,0	1	Đang	chấn
5	000627	1101070432	Lê Thị Nhật	Dương	18/03/2005	KL11A	12	76	4,3	1	Dương	lê
6	000628	1101071425	Nguyễn Tùng	Dương	10/02/2005	KL11A	12	77	1,3	1	Dương	chấn
7	000629	1101070438	Ninh Thị Thu	Huệ	28/12/2005	KL11A	12	78	3,0	1	Huệ	lê
8	000630	1101070446	Nguyễn Hà	Mai	17/06/2005	KL11A	12	79	6,3	1	Mai	Chấn
9	000631	1101071130	Bùi Ngọc Quang	Minh	10/11/2005	KL11A	12	80	3,0	1	Minh	lê
10	000632	1101071135	Đỗ Thị Anh	Phương	23/10/2005	KL11A	12	81	6,5	1	Phương	Chấn
11	000633	1101070454	Vũ Thị Minh	Thu	10/10/2005	KL11A	12	82	6,0	1	Thu	lê
12	000634	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL11A	12	83	2,0	1	Quốc	chấn
13	000635	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	12	84	5,5	2	Anh	lê
14	000636	1101071122	Lưu Thị	Hằng	19/03/2005	QL11A	12	85	4,3	1	Hằng	chấn
15	000637	1101070435	Đinh Trọng	Hiệp	11/02/2004	QL11A	12	86	3,0	1	Hiệp	lê
16	000638	1101070436	Nguyễn Ích	Hoàng	25/03/2005	QL11A	12	87	3,0	1	Hoàng	chấn
17	000639	1101070440	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	QL11A	12	88	3,5	1	Huyền	lê
18	000640	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	12	89	3,5	1	Kiên	chấn
19	000641	1101070449	Đàm Thị Quỳnh	Như	22/10/2005	QL11A	12	90	1,5	1	Như	lê
20	000642	1101071136	Vũ Ngọc	Phương	12/08/2005	QL11A	12	91	4,8	1	Phương	Chấn
21	000643	1101070452	Đỗ Thị	Quỳnh	30/10/2004	QL11A	12	92	6,5	1	Quỳnh	lê
22	000644	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	12	93	4,3	1	Thuận	chấn
23	000645	1101070457	Trần Đức	Toàn	16/02/2005	QL11A	12	94	3,8	1	Toàn	lê
24	000646	1101070458	Đỗ Thiên	Trang	01/05/2005	QL11A	12	95	6,8	1	Trang	chấn
25	000647	1001070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL11A	12					HP,ĐK
26	000648	1101070462	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	08/06/2005	QL11A	12	96	7,0	1	Xuân	chấn
27	000649	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	12	97	6,5	1	P.Anh	lê

2 12

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000650	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	12	98	5,8	01	Anh	chấn?
29	000651	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	12	99	6,8	01	Ánh	lẻ?
30	000652	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	12	100	6,5	01	Bộ	chấn
31	000653	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	12	101	4,5	01	Duyên	lẻ (4,5)
32	000654	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	12	102	6,0	01	Hà	chấn
33	000655	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	12	103	6,3	01	Hà	lẻ?
34	000656	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	12	104	5,8	01	Hằng	Chấn
35	000657	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	12	105	5,3	01	Hiếu	Lẻ
36	000658	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	12	106	2,8	01	Huyền	Chấn
37	000659	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	12	107	4,3	01	Huyền	lẻ?

Tổng số sinh viên dự thi: 34.....

Tổng số tờ giấy thi: 38.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 26... tháng 12... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trưởng Thi Địch Lưu Thi Yên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000660	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	12	633	4,0	01	Chấn	Chấn
2	000661	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	12	634	8,8	01	Linh	Lê
3	000662	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	12	635	7,0	02	Linh	Chấn
4	000663	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	12	636	4,5	01	Linh	Lê
5	000664	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	12	637	6,0	02	Linh	Chấn
6	000665	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	12	638	7,0	01	Khánh	Lê
7	000666	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	12	639	3,8	01	Linh	Chấn
8	000667	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	12	640	5,0	01	Lý	Lê
9	000668	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	12	641	3,5	01	Mai	Chấn
10	000669	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quỳnh	01/01/2005	TM11A	12	642	6,8	02	Quỳnh	Lê
11	000670	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	12	643	5,3	01	Quỳnh	Chấn
12	000671	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	12	644	4,5	01	Thái	Lê
13	000672	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	12	645	3,8	04	Thành	Chấn
14	000673	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	12	646	6,3	01	Thùy	Lê
15	000674	1101080421	Nguyễn Văn	Tới	30/10/2005	TM11A	12	647	3,8	01	Tới	Chấn
16	000675	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	12	648	3,5	01	Trang	Lê
17	000676	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	12	649	5,5	01	Trang	Chấn
18	000677	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	12	669	6,8	02	Yến	Lê
19	000678	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	13	650	3,5	01	An	Chấn
20	000679	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	13	651	7,3	01	Anh	Lê
21	000680	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	13	652	6,8	01	Anh	Chấn
22	000681	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	13	653	2,8	01	Q.Anh	Lê
23	000682	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	13	654	4,3	01	H.Anh	Chấn
24	000683	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	13	655	5,0	01	Anh	Lê
25	000684	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	13	656	5,8	01	Anh	Chấn
26	000685	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	13	657	3,5	01	Anh	Lê
27	000686	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	13	658	6,0	01	Ánh	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000687	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	13	659	4,5	01	ĐL	ĐL
29	000688	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	13	660	7,3	01	Ánh	chấn
30	000689	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	13	661	7,0	01	Chi	le
31	000690	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	13	662	4,8	01	Đào	chấn
32	000691	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	13	663	6,3	01	Dung	le
33	000692	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	13	664	4,3	01	Trịnh	chấn
34	000693	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	13	665	3,8	01	Giang	Le
35	000694	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	13	666	5,3	01	Hà	chấn
36	000695	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	13	667	3,8	01	Hải	le
37	000696	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	13	668	6,8	01	Hạnh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 37.....

Tổng số tờ giấy thi: 40...

Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 24 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Loan

Bùi Thị Minh Phượng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000697	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	13	465	5,0	01	Hòa	lẻ
2	000698	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	13	466	7,0	01	Hoài	chẵn
3	000699	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	13	467	7,0	01	Hương	lẻ
4	000700	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	13	468	8,0	02	Ngọc	chẵn
5	000701	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	13	469	6,8	01	Linh	lẻ
6	000702	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	13	470	6,0	01	Linh	chẵn
7	000703	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	13	471	6,8	02	Linh	lẻ
8	000704	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	13	472	6,8	01	Linh	chẵn
9	000705	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	13	473	5,8	01	Linh	lẻ
10	000706	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	13	474	7,0	01	Luyến	chẵn
11	000707	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	13	475	6,5	01	Ngân	lẻ
12	000708	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	13	476	6,8	01	Ngọc	chẵn
13	000709	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	13	477	3,3	01	Ngọc	lẻ
14	000710	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	13	478	7,0	01	Nhi	chẵn
15	000711	1101020216	Kiều Yên	Nhi	24/10/2005	KD11C	13	479	7,0	01	Nhi	lẻ
16	000712	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	13	480	3,8	01	Nhung	chẵn
17	000713	1101021022	Chu Lan	Phuong	05/07/2005	KD11C	13	481	7,3	01	Phu	lẻ
18	000714	1101021024	Trịnh Thu	Phuong	08/11/2005	KD11C	13	482	6,5	01	Phuong	chẵn
19	000715	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	13	483	5,5	01	Quỳnh	lẻ
20	000716	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	13	484	6,0	01	Phu	chẵn
21	000717	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	13	485	7,0	01	Thảo	lẻ
22	000718	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	13	486	4,3	01	Thủ	chẵn
23	000719	1101020279	Lê Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	13	487	5,0	01	Thức	lẻ
24	000720	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	13	488	6,0	01	Thùy	chẵn
25	000721	1101020902	Đinh Thị Yên	Trang	29/01/2005	KD11C	13	489	6,8	01	Trang	lẻ
26	000722	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	13	490	7,3	01	Trang	chẵn
27	000723	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	13	491	8,0	01	Trang	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000724	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	13	492	2,5	01	X	Chấn
29	000725	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	13	493	3,3	01	Vũ	lẻ
30	000726	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	13	494	6,8	01	Vy	Chấn
31	000727	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	13					Vàng
32	000728	1204020004	Trần Trọng	Đài	09/01/2003	LT12A	13	495	4,0	01	Đài	Chấn
33	000729	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	10					Vàng
34	000730	1101080510	Phạm Hải	Đăng	23/02/2005	TM11A	12	496	4,3	01	Đăng	Chấn
35	000731	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	12	497	6,3	01	Trung	lẻ?
36	000732	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	12	498	5,3	01	Tuấn	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi:....36....

Tổng số tờ giấy thi:....36..

Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 26 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Cao Thị Hằng

Hoàng Thị Duyên